

HÌNH THỨC PHÂN XỬ CỦA LUẬT TỤC Ê ĐÊ TRONG XÃ HỘI CỔ TRUYỀN VÀ XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

ĐỖ HỒNG KỲ*

Trong xã hội Ê đê cổ truyền, luật tục là công cụ để chủ làng - thông qua người xử kiện - điều hành cuộc sống của dân làng theo chiều hướng *chân - thiện - mỹ*. Trong xã hội mới, luật tục có những thay đổi, nhưng nó vẫn đóng vai trò rất quan trọng đối với đời sống của bộ phận người Ê đê không theo đạo Công giáo và Tin lành.

I. QUÁ TRÌNH XỬ KIỆN

Trong xã hội cổ truyền, mỗi buôn làng Ê đê thường có 1, 2 người thông thạo luật tục gọi là *pô phat kđi*¹. Mỗi khi trong buôn làng có xích mích, mâu thuẫn và xung đột giữa các thành viên trong cộng đồng mà *dăm dei* của các dòng họ không giải quyết được thì *pô phat kđi* đứng ra giải quyết.

Người xử kiện là người thuộc nhiều *klei duê* (lời nói văn giàu hình ảnh nhịp điệu), nhất là *bi duê* (thơ luật tục), ăn nói có lý lẽ, biết phân tích phải trái một cách thấu tình đạt lý, được mọi người tin yêu, kính trọng.

Địa điểm xử kiện được *Pô Phat kđi* đặt ở nhà người đề nghị luật tục giải quyết tranh chấp. Thời gian không quy định vào lúc nào, nhưng thường vào buổi tối. Thành phần dự gồm *Pô Phat kđi*, đương sự, *dăm dei* hai dòng họ và những người thân thiết của hai bên đương sự. Ngoài *pô khat kđi*, những người có mặt trong cuộc phán xử

đều có quyền giám sát, theo dõi, tranh luận, góp ý cho việc phân xử khách quan, đúng với quy ước của tập quán pháp, đồng thời cũng làm sao cho vừa thấu tình đạt lý.

Diễn biến của một buổi xử kiện ở người Ê đê như sau:

- *Pô Phat kđi* điểm xem những người cần phải có mặt đã đầy đủ chưa. Nếu thiếu ai (đương sự, đại diện *dăm dei* hai bên dòng họ) thì cho người đi gọi.

- Người xử kiện yêu cầu hai bên đương sự tháo vòng đeo tay cho mình cầm. Khi đã thực hiện hành động như vậy, tức là hai đương sự đã thừa nhận và chấp thuận cho người xử kiện quyền chất vấn, chỉ ra phải trái, quyết định ai đúng, ai sai và xử phạt theo luật tục.

- Người xử kiện dùng lời nói văn để “khai mạc” buổi hoà giải. Nội dung lời nói văn thường như sau²: *Vì sự việc đó mà người ấy ngủ không yên, ở không ổn, đi làm rầy không được vui. Người đó cầm vòng tay vấy bẩn mang đến nhà tù trưởng, cầm vòng tay oan ức đến nhà giàu có, mong họ lo cho việc này công bằng, ổn thoả. Vòng tay khởi kiện đã đến nhà tù trưởng, vòng tay vấy bẩn người ta đã nhận được rồi. Bây giờ mọi người đều có mặt ở đây đông đủ, có nhiều cái sừng, đầu óc ai tài giỏi giúp cho việc hoà giải. Chúng ta đều không đứng về phía bên này, cũng*

* PGS.TS. Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

không đứng về phía bên kia, mà đứng ở giữa. Ai biết nhiều nói nhiều, ai biết ít nói ít, nói lời vừa phải cho hợp lòng nhau.

- Tiếp đến, *Pô Phat* kể yêu cầu người khởi kiện tường thuật lại sự việc mà người đó nhờ “toà án phong tục” phân xử. Nếu người khởi kiện nói chỗ nào không rõ ràng, tình tiết nào không có sức thuyết phục thì người xử kiện yêu cầu nói lại cho rõ. Trường hợp tranh cãi nhau khó ngã ngũ, người xử kiện mời nhân chứng hoá giải tình hình. Tiếp đến ông ta hỏi họ hàng hai bên đương sự có ý kiến gì không³? Nếu không có ai có ý kiến gì thì *pô khat* kể tham khảo ý kiến của *dăm dei* hai dòng họ lần cuối để đưa ra quyết định cuối cùng là ai đúng ai sai. *Pô Phat* kể dùng lời *duê* để kết thúc phần “nghị án” như sau: *con lươn sống dưới bùn lầy đã phơi lên bờ, tôm tép trong rêu đã phơi ra ngoài, kẻ này sai, người kia đúng đã rõ ràng. Người đúng muốn đòi phạt heo mấy con, heo mấy gang để bên sai làm cúng cho mình.*

- Nếu người thắng kiện yêu cầu phạt người thua kiện nặng quá (không theo quy định của luật tục) thì người xử kiện động viên người đó giảm bớt để thể hiện tình làng “mình ăn chung một lá, mình uống nước một bầu, mình nói cười đủ chỉ đủ em” (dân ca Ê đê). Để thuyết phục được người thắng kiện, nhiều khi người xử kiện phải huy động hết khả năng tài ăn nói của mình để lôi cuốn đám đông ủng hộ ý tưởng của mình. Qua đó sẽ “ép” người thắng kiện phải giảm bớt mức phạt theo tập tục. Ngược lại, nếu thấy người thắng kiện chỉ đòi phạt nhẹ hơn nhiều theo quy định của

tập tục thì người xử kiện yêu cầu đương sự mời họ hàng ra ngồi ở một góc riêng để bàn bạc thống nhất. Thông thường họ hàng đều tôn trọng, đồng tình với ý kiến của người thân khi thắng kiện. Mỗi khi sự việc đã có sự thống nhất của mọi người trong buổi phân xử thì người xử kiện mới tuyên bố mức phạt.

Sau khi đã thống nhất mức phạt đền một cách công khai, dân chủ như trên, người xử kiện đề nghị hai bên đương sự đưa tay ra đeo vòng đồng và chạm vòng đồng vào nhau. Hành động này được coi như là lời cam kết thực hiện theo sự phán xét của người xử kiện⁴.

Tập quán pháp Ê đê cũng quy định người thua kiện phải làm cúng cho người thắng kiện. Người phạm tội mang con vật (gà, heo) và ché rượu cần đến nhà người bị hại làm cúng. Họ làm như vậy là vừa để “đền bù” về vật chất vừa để thể hiện ước nguyện rằng thần linh sẽ phù hộ cho người bị hại khoẻ mạnh, sống lâu, đồng thời cầu mong thần linh xoá đi những tội lỗi lầm khuất ở người vi phạm tập tục. Việc cúng hoà giải là cách tốt nhất để đương sự, dòng họ hai bên được sống trong niềm vui hoà giải. Trước đó, trong buổi phân xử, *dăm dei*, người của hai bên dòng họ đương sự cãi lý, tranh luận với nhau tưởng như không thể đội trời chung, nhưng với việc khấn thần linh và trong tiệc rượu hoà giải này mà họ thấy trong lòng thanh thoát, nhẹ nhõm, nói cười vui vẻ. Mọi xích mích, mâu thuẫn, thù oán nhau đã được giải thoát⁵.

Nhìn về lợi ích vật chất, người thua kiện mang con vật và ché rượu đến nhà người

thắng kiện làm cúng thì hai bên đều tốn kém ngang nhau. Trong lễ hoà giải, hai bên đều phải lo cơm canh, rượu thịt cho những người đến dự ăn uống thoải mái. Như vậy, người thắng kiện không có gì để kiêu ngạo, tự cao, còn người thua kiện không có gì phải mặc cảm, tự ti trong cuộc sống.

II. CÁC TỘI DANH VÀ HÌNH THỨC XỬ LÝ

Người thua kiện phải đền cho người thắng kiện tài sản hoặc con vật nuôi. Mức phạt thế nào là căn cứ vào mức tội danh nặng nhẹ của người vi phạm. Có 3 mức phạt như sau:

- Nếu phạm tội ăn trộm, đánh tráo tài sản, ngoại tình bị bắt quả tang thì phải đền bằng tài sản theo tập tục “*ăn cắp một phải đền ba*”. Ngoài ra, còn bị xử phạt bằng một con heo để làm cúng cho người bị hại.

- Nếu ai xúc phạm người khác như chửi bới, nguyên rủa, chỉ vào mặt, vào mũi, dọa nạt làm cho người đó mất mặt trước đám đông thì không phải phạt bằng của cải, mà chỉ bị xử phạt bằng con vật nuôi và ché rượu để làm cúng cho người xúc phạm.

- Trường hợp giết người⁶, làm cháy nhà lan ra cả buôn làng⁷, phá hoại mồ mả, ngoại tình, loạn luân⁸ thì bị xử phạt triệt để, không cho phép bất cứ ai xin xỏ để tha tội.

Trong xã hội Ê đê cổ truyền, luật tục có tác dụng điều hành, ổn định, cân bằng các mối quan hệ trong buôn làng. Luật tục còn có giá trị khuyến bảo con người bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng là rừng và nguồn nước. Hiện nay, nhiều vấn đề của cuộc sống gia đình, xã hội, văn hoá,

tôn giáo ở cộng đồng người Ê đê đã thay đổi. Những thay đổi đó đã làm luật tục suy giảm sức mạnh “*hành pháp*” và “*thần pháp*” của nó. Tuy nhiên, những hạt nhân cơ bản của luật tục vẫn được duy trì trong đời sống hiện nay của người Ê đê.

III. LUẬT TỤC Ê ĐÊ TẠI ĐẮC LẮK TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

Trong xã hội Ê đê cổ truyền, luật tục là công cụ để chủ làng và người xử kiện điều hành cuộc sống dân làng. Về mặt thiết chế, xã hội Ê đê cổ truyền vận hành được là nhờ vào các điều của bộ luật tục (hay tập quán pháp) bất thành văn này. Trong xã hội đương đại, do tác động của các nhân tố như sự thay đổi của phương thức sản xuất, cũng như sự thay đổi của một số yếu tố xã hội, văn hoá, tôn giáo từ bên ngoài, đã làm cho luật tục Ê đê biến đổi, suy giảm vai trò điều tiết xã hội của nó.

1. Nhân tố tác động làm mai một, biến đổi và suy giảm vai trò của luật tục trong xã hội đương đại.

Khoảng từ năm 1945 trở về trước, săn bắt, hái lượm, trồng trọt và chăn nuôi là các yếu tố tạo nên nền kinh tế tự cung, tự cấp ở người Ê đê. Nền kinh tế này tồn tại, phát triển theo chu kỳ, đi liền với đó là hoạt động tín ngưỡng, luật tục và các hình thức sinh hoạt cổ truyền khác. Trong khoảng hai, ba thập kỷ, nhất là khoảng mười năm trở lại đây, do tác động của nhiều nhân tố đã làm cho luật tục của người Ê đê biến đổi, mai một, suy giảm vai trò điều tiết xã hội của nó. Các nhân tố tác động, đó là:

a, Săn bắt, hái lượm.

Trước năm 1945, khu vực cư trú của người Ê đê ở Đăk Lăk rất giàu tài nguyên sinh vật và động vật. Đồng bào sáng mang gùi vào rừng, tối về đã có đủ hoa, quả, rau rừng. Trong rừng có chồn, sóc, thỏ, v.v.. Dưới sông suối, ao hồ có nhiều loại thủy sản sinh sống. Người Ê đê có câu “chim trời, cá nước, thú rừng” (Chim kơ dlông adiê, dliê moráo hlô, êa êro mào kan)⁹. Các cuộc săn bắt thú rừng, đánh bắt cá của họ đều phải tuân theo những tục lệ nhất định. Chẳng hạn, những người thợ săn trong thời gian ở rừng không được nói năng tục tĩu, ném đá xuống nước. Còn vợ họ ở nhà, nếu có khách đến chơi không được uống rượu, khi đến nhà khác cũng không được uống rượu, đặc biệt không được ca hát, nhảy múa. Ai phạm các kiêng kỵ trên là vi phạm tục lệ của cộng đồng.

Nguồn lợi thiên nhiên thuộc quyền quản lý của chủ làng. Tất cả các thành viên đều có quyền khai thác, nhưng phải tuân theo các quy định của luật tục. Ai làm ngược tập quán pháp đều bị xử phạt theo luật tục. Hiện nay, rừng bị tàn phá nặng nề. Việc săn bắt, hái lượm ở người Ê đê gần như không còn nữa. Rừng nguyên sinh còn lại, Nhà nước chủ yếu giao cho các lâm trường quản lý. Như vậy, luật tục phân xử việc ăn trộm mật ong, lấy cắp thú rừng do người khác bẫy, ăn cắp cá trong đơm của người khác, v.v. không có cơ sở để tồn tại trong các buôn làng Ê đê nữa.

b, Trồng trọt và chăn nuôi.

Trong nền kinh tế tự cung tự cấp, nguồn lương thực, thực phẩm của người Ê đê chủ yếu dựa vào sản xuất nương rẫy và chăn nuôi.

Trước đây, sản xuất nương rẫy cung cấp lúa gạo cho người Ê đê trong các bữa ăn và cung cấp nguyên liệu chính để họ làm rượu cần sử dụng quanh năm. Hiện nay, rừng bị thu hẹp, nhiều rẫy lúa được dùng vào việc xây dựng thành khu dân cư, thị trấn, nhà máy, khu rẫy trồng cà phê của người Kinh. Nhiều hộ gia đình Ê đê bỏ canh tác nương rẫy chuyển sang trồng cà phê, không ít người trở thành công nhân lâm trường cà phê, cao su. Lương thực họ phải ra ngoài chợ để mua. Do vậy, việc chăn nuôi gia cầm trong nhà bị suy giảm nhiều.

Trước đây, việc chăn nuôi gia cầm, gia súc rất được chú trọng phát triển trong từng gia đình. Ở các buôn làng Ê đê gần đồng cỏ, sẵn nguồn thức ăn trong rừng, đồng bào nuôi hàng trăm, hàng nghìn con bò. Gà, heo, trâu, bò chủ yếu là để giết thịt phục nghi lễ, lễ hội, làm của cải để đền trong các cuộc phân xử của luật tục. Hiện nay, điều kiện chăn nuôi gia cầm, gia súc không còn được như trước đây nữa. Đó là chưa nói tới việc giao thương được mở rộng, đồng bào đem bán vật nuôi của mình ra chợ bán lấy tiền chi tiêu vào các công việc khác. Trồng trọt và chăn nuôi cũng góp phần vào việc làm thay đổi tập tục “*lấy cắp một phải đền ba*” bằng tập tục “*lấy cắp một đền một*” của việc xử phạt bằng luật tục ở người Ê đê hiện nay.

c, Thay đổi cơ cấu quản lý xã hội.

Điều hành xã hội Ê Đê cổ truyền bao gồm chủ làng (quản lý chung), người xử kiện (đảm nhiệm tập quán pháp) và thầy cúng (chăm lo về mặt tinh thần). Trong xã hội đương đại, các thôn/buôn làng Ê đê có thêm trưởng thôn – đại diện chính quyền

và Bí thư chi bộ cơ sở. Về mặt “hành pháp”, hiện nay ở các buôn làng Ê đê có “già làng” – đại diện cho phong tục tập quán, trưởng thôn – đại diện cho chính quyền nhà nước. Chức năng của trưởng thôn là phổ biến chính sách, pháp luật của Nhà nước tới người dân, hướng dẫn họ áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, xây dựng nếp sống văn minh. Đây là tiền đề cho sự phát triển kinh tế, trình độ văn minh, sự tiến bộ của xã hội, nhưng cũng lại là nguyên nhân làm mai một luật tục Ê đê trong cuộc sống.

d, Về tín ngưỡng, tôn giáo.

Người Ê đê theo tín ngưỡng vạn vật hữu linh. Tín ngưỡng hồn linh đó thể hiện ở niềm tin, sự sùng bái các lực lượng siêu nhiên. Trong một vụ kiện, ngay người thắng kiện cũng rất sợ thần linh, và tất nhiên, người thua kiện lại càng lo sợ như vậy. Người thua kiện sợ hãi vì chẳng may người thắng kiện hoặc gia đình người đó bị ốm đau, tai nạn thì họ đổ tội lên đầu mình. Vì vậy, người thua kiện dù hoàn cảnh có khó khăn đến thế nào đi nữa cũng phải có con vật nuôi – kể cả vay mượn – để làm cúng cho người thắng kiện. Thực hiện xong hành động tín ngưỡng này là tâm linh anh ta thanh thoát. Và bên người thắng kiện dù có ốm đau, chết chóc thế nào, người thua kiện cũng vô can.

Bộ phận người Ê đê không theo đạo, đang còn làm rẫy, vì bây giờ không trồng lúa rêu (*mdiê djâu*), nên họ không làm cúng hồn Lúa (*mngắt mdiê*) như trước đây nữa. Bộ phận người Ê đê trồng cà phê, cao su, cây điều, hồ tiêu, dĩ nhiên là bỏ hẳn việc

cúng *yang* (thần linh) và *mngắt* (hồn vía). Thần linh vẫn còn in đậm trong tâm thức người Ê đê không theo đạo, nhưng ít nhiều đã bị lu mờ. Từ đó tính thiêng của luật tục – sự minh giám của thần linh – cũng suy giảm trong đời sống tâm linh của họ.

2. Tình hình sử dụng luật tục ở bộ phận người Ê đê không theo đạo.

Luật tục có sức sống lâu bền trong đời sống xã hội, ngoài việc luật tục bắt nguồn từ phong tục tập quán, việc phạt đền cho người bị hại, khi thực thi kết quả phân xử theo tập quán pháp, con người còn bị chi phối mạnh mẽ bởi các đẳng thần linh¹⁰. Do vậy, ở bộ phận người Ê đê không theo đạo việc sử dụng luật tục để phân xử các mâu thuẫn, xung đột trong các buôn làng diễn ra nhiều hơn, nhận thức của bộ phận này về tính thiêng của luật tục cũng còn sâu sắc, chứ không như ở bộ phận đồng bào theo đạo Công giáo và Tin lành.

Bộ phận người Ê đê không theo đạo vẫn tin rằng, thần linh có tác động tốt hoặc xấu đến cuộc sống của con người, tùy theo cách ứng xử của con người đối với một vị thần cụ thể nào đó. Của cải trong nhà luôn luôn được bảo vệ, vì trong đó có các linh hồn của những người đã khuất trong dòng họ trú ngụ. Trong nhóm này, đa số là lớp người có độ tuổi từ 35 trở lên, những người trẻ tuổi cũng có, nhưng rất ít, chỉ chiếm khoảng 10%. Họ thường là những người có trình độ thấp, có khi thất học hoặc chỉ học chưa hết cấp I. Nhóm này quan niệm Aê Du, Aê Diê là vị thần tối cao sáng tạo ra con người và muôn loài. Con người cũng như vạn vật đều có linh hồn, khi con

người chết thân thể hoá kiếp thành các con vật, còn linh hồn sẽ đầu thai trở lại kiếp người bằng những giọt sương mai đọng lại trên mạng nhện. Giọt sương mang linh hồn tổ tiên đầu thai vào con trẻ, làm cho giống nòi trường tồn.

Khi chết, con người phải trải qua 7 giai đoạn để rồi mới được biến thành giọt sương để đầu thai vào con cháu. Có thể mô tả quá trình đó như sau:

Giai đoạn 1: Một người chết đi, linh hồn về với buôn atô (yang atô). Kiếp sống ở buôn atô gần giống như cuộc sống ở trần gian: có rẫy, có vật nuôi, có của cải, v.v.. Nhưng sức lực thì không còn khoẻ mạnh như lúc đang sống ở trần gian. Người ở buôn atô có hình dáng nhỏ bé, cơ thể yếu đuối.

Giai đoạn 2: Linh hồn buôn atô chết đi hoá kiếp thành linh hồn cây cối (ksok mtô) đây là kiếp sống bất động không di chuyển. Giai đoạn này, linh hồn được giao tiếp với các vị thần, có thể làm điều tốt, xấu theo bản chất của người lúc sống. Linh hồn muốn di chuyển thì phải nhập vào một người nào đó về thăm buôn làng rồi trở lại thành cây cối, dân làng thường gọi là ma (ksok mtô). Những người đi rừng đều sợ *ksok* nhập hồn, vì vậy lúc nói chuyện, họ không nói to, không nói đùa, la hét, nói thẳng nội dung, mà chỉ nói lái và làm dấu bằng tay.

Giai đoạn 3: Linh hồn *ksok mtô* chết đi hoá kiếp thành con mối, con kiến (*muôr, hdăm*) sống ở dưới đất. Đây là giai đoạn lâu nhất, là sự thử thách của kiếp sống khổ luyện và cực nhọc. Người Ê đê cho rằng, người nào lười biếng nhất trên trần gian khi trải qua

giai đoạn của kiếp sống này đều trở thành người cần cù, siêng năng, tháo vát.

Giai đoạn 4: *Muôr hdăm* chết hoá kiếp thành dân của buôn làng thần Nước (yang Êa), chỉ trú ngụ dưới con sông lớn, nhỏ, trong thác, ghềnh, hồ lớn, không trú ngụ ở con suối hay nước mạch như đầu nguồn bên nước. Theo quan niệm của người Ê đê, những người chết trong rừng và chết trôi sông (*djiê mbriêng*) sẽ không hoá kiếp trở lại thành người, vì không qua 7 giai đoạn trong chu kỳ của vòng luân hồi. Người Ê đê rất sợ điều này, nên trẻ em không lai vãng bên bờ sông hoặc trong rừng khi không có người lớn đi kèm.

Giai đoạn 5: Linh hồn dưới nước (tức là ở buôn thần Nước) chết đi hoá kiếp thành con vật nuôi trong nhà (*mngăt rông*). Đây là giai đoạn linh hồn gần gũi với người sống, chứng kiến cảnh sống của dòng họ và cộng đồng buôn làng, sẵn sàng báo hiệu những tai họa sẽ xảy ra và những điềm lành sẽ đến với buôn làng. Và con vật nuôi đó, muốn được làm vật cúng tế càng nhanh càng tốt để sớm được hoá kiếp về với con cháu trong nhà.

Giai đoạn 6: Yang rông chết đi hoá kiếp thành linh hồn vật dụng và tài sản trong nhà (*mngăt sang*). Kiếp này linh hồn được gần gũi với con cháu, các loại vật liệu dùng làm nhà như cọng tranh, nứa làm phen, cây cột và các vật dụng như chiêng, ché, bếp, kpan, hgor, v.v.. Các loại vật liệu và đồ dùng này đều có linh hồn trú ngụ để chứng kiến và phù hộ cho con cháu được sung túc và khoẻ mạnh. Chủ nhà tuyệt đối không mang ra khỏi nhà hoặc cho mượn vật dụng

và tài sản trong nhà. Vì lý do cần thiết phải mang ra khỏi nhà thì phải thực hiện nghi lễ cúng tùy theo giá trị của vật dụng. Khi mang về cũng phải tổ chức nghi lễ cúng nhập hồn cho vật dụng đó. Trường hợp mượn vật dụng của nhau trong buôn làng Ê đê hầu như không xảy ra. Các vật dụng lao động và sinh hoạt, người Ê đê phân chia rạch ròi, vật nào dùng trong nhà, vật nào dùng ngoài rẫy, chỉ trừ vũ khí tự vệ như xà gạc, dao đối với nam và vật dụng như gùi, bầu nước, rìu đối với nữ.

Giai đoạn 7: Đây là giai đoạn cuối cùng. Linh hồn hoá thành những giọt sương mai (hdrah nguôm). Khi có đứa trẻ ra đời, người Ê đê hứng những giọt sương mai đọng trên mạng nhện ngoài buôn, đựng trong chén đồng (mtil) mang về cho đứa trẻ uống (liêm) và từ đó linh hồn được trở lại thành kiếp người. Do đó, tên của ông bà, chú bác (theo mẫu hệ) sống thọ, giỏi giang, giàu có đã chết lâu năm vẫn được đặt lại cho các thế hệ sau. Những linh hồn đó sẽ hoá kiếp vào đứa trẻ theo cái tên mà cha mẹ đặt và trở về sống lại với con cháu mình. Đây chính là nguyên nhân của tục lấy vợ, gả chồng cận huyết thống¹¹.

Người Ê đê cho rằng, khi ở trần gian, người nào sống tốt, yêu thương gia đình, dòng họ và cộng đồng thì qua bảy lần linh hồn hoá kiếp sẽ dễ dàng, còn những ai sống không vì người thân và cộng đồng thì kiếp làm thực vật, động vật (côn trùng, vật nuôi) sẽ bị kéo dài, do vậy mà thời gian được đầu thai sẽ bị lâu hơn người sống tốt đẹp và người sống bình thường. Theo người Ê đê – bộ phận không theo đạo và

vô thần - ai tuân thủ tập quán pháp là người đó sống tốt đẹp với cộng đồng. Các bậc cha mẹ, ông bà, nhất là người xử kiện vẫn khuyên nhủ, răn dạy con cháu sống theo tập tục của ông bà xưa. Với tư tưởng như vậy, việc sử dụng luật tục trong bộ phận này để gắn kết gia đình, dòng họ, cộng đồng. Cách đây không lâu, ở Buôn Tring, thị trấn Krông Buk (nay là thị xã Buôn Hồ) có hai người xử kiện là Ama Jip (60 tuổi) và Ama Hmen (62 tuổi). Họ thông thạo luật tục và có kinh nghiệm giải quyết các mâu thuẫn trong buôn làng theo luật tục. Trong khoảng gần nửa năm, hai ông đã giải quyết 20 vụ mâu thuẫn, xích mích nhau trong nhiều lĩnh vực. Cụ thể là 6 vụ về hôn nhân gia đình, trong đó có 2 vụ li hôn; 5 vụ chia tài sản sau khi chồng hoặc vợ chết. Đáng chú ý nhất là vụ xét xử một trưởng thôn doạ đánh dân.

a, Tổ hòa giải và quá trình phân xử

Khi xảy ra xích mích, mâu thuẫn, *dăm dei* đứng ra chủ trì cuộc hoà giải trong nội bộ gia đình, dòng họ. Nếu hoà giải không được mới đưa ra tổ hoà giải thôn, buôn. *Dăm dei* hoặc đương sự bị xâm hại đến nhà trưởng thôn báo về sự việc đã xảy ra, đồng thời đến nhà người xử kiện kể rõ các chi tiết xung quanh vụ kiện tụng. Trưởng thôn viết giấy triệu tập đương sự. Địa điểm tại nhà người bị xâm hại.

Thành phần tham gia chủ trì buổi hoà giải: bên cạnh người xử kiện - đại diện cho tập tục truyền thống, trưởng thôn - đại diện cho chính quyền, còn có đại diện của tổ chức, đoàn thể mà các đương sự liên quan. Chẳng hạn, nếu đương sự A là phụ nữ thì

có đại diện của Chi hội Phụ nữ, đương sự B là thanh niên thì có đại diện của Đoàn Thanh niên. *Dăm dei*, người trong dòng họ hai đương sự, dân làng đều có thể tham gia vụ xử kiện.

Nhìn chung, buổi xử kiện đều dựa trên cơ sở lời luật tục, tập tục (phạt đền, làm cúng để hoà giải). Bắt đầu buổi phân xử, trưởng thôn tuyên bố lý do, rồi giao cho tổ hoà giải điều hành công việc.

Trước hết, tổ hoà giải yêu cầu người bị xâm hại trình bày sự việc dẫn đến xích mích, mâu thuẫn. Sau đó đến lượt người gây hại trình bày sự việc. Mọi người nghe xong mà thấy đúng như vậy, thì người xử kiện cho chuyển sang nội dung khác; còn nếu có ý kiến trái chiều, thì ông ta để cho mọi người tranh luận, bàn cãi cho đến khi thống nhất thì thôi¹².

Sau khi mọi người đã thống nhất ý kiến, người xử kiện dùng lời nói vắn (nếu biết) hoặc dùng lối nói theo ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày, phân tích phải trái, cho ra trắng đen. Ông ta khuyên nhủ, giáo huấn đương sự, nhất là người vi phạm luật tục và người tham dự rằng mọi người hãy làm theo cái hay, cái đẹp của ông bà, tổ tiên, đừng làm điều xấu để gia đình, dòng họ, buôn làng sống hoà thuận, êm ấm.

Người xử kiện căn cứ vào tội trạng để định hình phạt. Trước lúc phát ngôn chính thức, ông ta hỏi lại xem ai có ý kiến nào khác không? Nếu không thì hai bên đương sự cứ thế mà thực thi. Người xử kiện nào mà thuộc các câu thơ luật tục thì đọc lên cho mọi người cùng nghe¹³. Lời người xử kiện chấm dứt, hai bên ra về trong sự hoà giải.

Tổ hoà giải ở thôn/buôn gồm các thành phần như đã nói ở trên. Trường hợp tổ hoà giải này không giải quyết được thì chuyển lên tổ hoà giải cấp xã. Tổ hoà giải này bao gồm các thành phần sau: Chủ tịch xã, đại diện Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân tập thể, Hội đồng Nhân dân và người xử kiện. Khi hoà giải, nếu hai bên đương sự đều là người Ê đê, tổ hoà giải thường sử dụng luật tục; còn trường hợp người Ê đê xích mích với người Kinh, Tày, Nùng, v.v. thì có sự kết hợp giữa pháp luật với luật tục. Nếu tổ hoà giải không giải quyết được thì đưa lên toà án các cấp huyện, tỉnh. Tuy nhiên, trường hợp phải đưa ra toà án là rất ít.

b, Một số thay đổi về mức phạt.

Theo tập tục cổ truyền, người Ê đê có tập quán “lấy cắp một phải đền ba”. Tục lệ này được luật tục nói như sau: “Kẻ ăn cắp, ăn trộm phải trả lại đủ giá (số của cái đã đánh cắp, ăn trộm, ngoài ra phải chịu một khoản bồi thường: hẳn phải trả thêm hai – tức phải trả gấp ba – thêm một trước, một sau (số của cái đã đánh cắp)”. Hiện nay, “ăn cắp một” chỉ phải “đền một”. Cách nhìn nhận về hành vi phạm tội cũng đã có sự thay đổi. Cộng đồng nhìn người phạm lỗi không nặng nề như trước đây, mà cởi mở, thông thoáng hơn.

Khi xét mức phạt đền, khác với trước đây, việc phạt đền không xét đến người phạm tội giàu hay nghèo, tức là người đó phải nộp đầy đủ theo mức phạt. Hiện nay, khi định mức phạt, người xử kiện có xét đến hoàn cảnh kinh tế của người phạm tội. Người xử kiện bàn bạc, trao đổi với những người trong tổ

hoà giải định mức phạt sao cho vừa có tình, vừa có lý. Nhiều khi mức phạt nhằm mục đích răn đe, giáo dục hơn là áp dụng khung hình phạt chung của cộng đồng.

Sự thay đổi về hình thức phân xử của luật tục Ê đê đã phần nào phản ánh sự thay đổi của xã hội cổ truyền trên vùng đất Tây Nguyên. Sự thay đổi đó gợi mở những hàm ý chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên nói chung và đặc biệt là đời sống văn hóa, tinh thần nói riêng, nhằm phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp và tiếp thu những tinh hoa văn hóa của thời đại mới, văn minh, hiện đại.

Chú thích

1. Đây chỉ người xử kiện, đó có thể là 1, 2 người.
2. Lời nói vắn *pô khat kdi* sử dụng giữa người này với người kia, giữa các vùng có khác nhau, nhưng mục đích và ý nghĩa của chúng là giống nhau.
3. Thông thường thì các vụ xử kiện bằng luật tục của người Ê đê diễn ra suôn sẻ. Trong trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, không rõ ràng thì họ hàng hai bên đương sự, nhất là *dăm dei* tranh luận gay gắt với nhau để giành phần thắng.
4. Bên cạnh đó, khi làm cúng, thần linh cũng đã chứng giám việc hoà giải này rồi. Ai không thành tâm bỏ qua thù oán sẽ bị thần linh quở phạt.
5. Sau khi người xử kiện đã đưa ra lời phán quyết cuối cùng, người thắng kiện hay người thua kiện mà không theo thì đều bị xét xử tiếp. Thí dụ, người thua kiện mà không làm cúng cho người thắng kiện thì sẽ bị phạt nặng hơn. Do vậy, dù khó khăn thế nào, người thua kiện cũng phải đi vay mượn con

vật nuôi trong dòng họ để hoàn thành trách nhiệm của mình.

6,7. Ai đó cố ý giết người vô tội, cố ý đốt nhà, đốt buôn làng mà gia đình không đủ tài sản bồi thường thì người đó phải đến một nhà giàu ở buôn làng khác làm nô lệ suốt đời để đổi lấy các tài sản có giá trị cao nhất (ché tuk, chiêng Lào, voi, trâu bò) đền cho những người bị hại.

8. Nam nữ loạn luân phải cùng nhau ăn cám heo đựng trong máng. Người Ê đê có tục lệ như vậy với ý nghĩa rằng những người như vậy bị coi như là súc vật.

9. Câu này dịch sát nghĩa sẽ là “trên trời có chim, trong rừng có thú, dưới nước có cá”.

10. Khi đã uống rượu hoà giải, tư tưởng, tình cảm, ý nghĩ của người trong cuộc đều được thần linh dõi theo.

11. Theo tư liệu của Y Kô, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Đắk Lắk.

12. Lời nói đầu tiên của người xử kiện là đề nghị mọi người tham dự phải thẳng thắn trung thực góp ý cho rõ trắng đen.

13. Tuỳ thuộc vào việc xử kiện tội danh nào thì người xử kiện đọc các câu thơ luật tục đó.

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Đức Thịnh - Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Tuấn, 1998. *Luật tục Ê đê (tập quán pháp)*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, 2000. *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Hồng Kỳ, 2008. *Văn hóa cổ truyền ở Tây Nguyên trong phát triển bền vững*, Nxb.Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
4. Tài liệu khảo sát tại tỉnh Đắk Lắk, 2012.